

DỰ THẢO

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện
Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 32/2013/TTLT-BCT-BTC ngày 04/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Công Thương, Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn giao, nhận và hoàn trả vốn đầu tư tài sản lưới điện hạ áp nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 864/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2004 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt tổng thể Dự án Năng lượng nông thôn II vay vốn WB;

Căn cứ Hiệp định tín dụng phát triển (Dự án Năng lượng nông thôn II) giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển quốc tế số 4000-VN ký ngày 17 tháng 6 năm 2005; Hiệp định tài trợ (sửa đổi và viết lại Hiệp định tín dụng phát triển Dự án Năng lượng nông thôn II) giữa đại diện Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hiệp hội Phát triển quốc tế số 4576-VN ký kết ngày 09 tháng 7 năm 2009;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số /TTr-STC ngày tháng năm 2025.

Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quyết định quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2025.

Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Ban hành Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên và Quyết định số 22/2023/QĐ-UBND ngày 07/9/2023 sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 22/2020/QĐ-UBND ngày 02/10/2020 của UBND tỉnh Thái Nguyên về Ban hành Quy định cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính, Công Thương, Chủ tịch Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Giám đốc Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các đơn vị: Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành của tỉnh;
- Liên minh Hợp tác xã tỉnh;
- Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên;
- Công ty Điện lực Thái Nguyên;
- UBND các xã, phường
- Trung tâm Thông tin tỉnh;
- Các HTX kinh doanh dịch vụ điện;
- Lãnh đạo VP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, TH, CNN, KT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

QUY ĐỊNH

Về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án

Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2025/QĐ-UBND ngày tháng năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi và đối tượng áp dụng

1. Đối tượng áp dụng: Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện được nhận bàn giao tài sản lưới điện hạ áp sau đầu tư của Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

2. Phạm vi điều chỉnh: Quy định về cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

a) Bên cho vay vốn là Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Thái Nguyên.

UBND tỉnh Thái Nguyên ủy quyền cho Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên thực hiện ký kết Hợp đồng kinh tế với Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện.

b) Bên vay vốn là Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện được nhận bàn giao tài sản lưới điện hạ áp sau đầu tư của Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

c) Các tổ chức, cá nhân liên quan đến thực hiện cơ chế cho vay và thu hồi nguồn vốn đầu tư thực hiện Dự án Năng lượng nông thôn II trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 2. Nguyên tắc cho vay và thu hồi vốn

1. Giá trị cho vay là toàn bộ giá trị đầu tư công trình lưới điện hạ thế nông thôn được xây dựng hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt của Dự án Năng lượng nông thôn II (bao gồm nguồn vốn vay Ngân hàng Thế giới và vốn đối ứng ngân sách tỉnh Thái Nguyên). Giá trị cho vay được tính bằng đồng Việt Nam.

2. Thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, lãi suất quá hạn và phí cho vay của Ngân hàng được xác định theo Hợp đồng vay vốn giữa Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (được UBND tỉnh Thái Nguyên ủy quyền) và Chi nhánh Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên. Phần vốn ngân sách tỉnh đối ứng không tính lãi suất.

3. Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện có trách nhiệm hoàn trả số nợ gốc, lãi vay và phí cho vay theo đúng kỳ trả nợ quy định tại Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng đã ký.

Điều 3. Hình thức văn bản cho vay

Hình thức văn bản cho vay áp dụng hình thức Hợp đồng kinh tế giữa các bên.

Chương II

QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 4. Các bên ký kết hợp đồng kinh tế

1. Bên cho vay (Bên A): Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên (đơn vị được ủy quyền) ký kết Hợp đồng kinh tế (cho vay lại) với Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện.

2. Bên vay lại (Bên B): Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện được nhận bàn giao tài sản lưới điện hạ áp sau đầu tư của Dự án Năng lượng nông thôn II (REII) trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên.

Điều 5. Các quy định về thời gian cho vay, lãi suất cho vay, kỳ trả nợ và tài khoản thu nợ

1. Thời gian cho vay: 20 năm, bắt đầu tính từ khi thực hiện đầu tư xây dựng và giải ngân vốn (2009).

2. Lãi suất cho vay và lãi suất quá hạn:

a) Lãi suất cho vay và phí cho vay của Ngân hàng: 1%/năm tính trên số dư nợ gốc đầu kỳ trả nợ.

b) Lãi suất quá hạn: Tính trên số nợ quá hạn (nợ gốc, lãi, phí) được tính từ ngày đến hạn không trả cho đến ngày trả được nợ.

c) Lãi suất quá hạn theo năm: 1,5%/năm.

d) Lãi suất quá hạn theo ngày: 1,5%/360 ngày.

3. Kỳ trả nợ gốc và lãi vay:

a) Kỳ trả nợ gốc: Được chia 15 kỳ, một kỳ 12 tháng. Mức trả gốc mỗi năm bằng số nợ vay chia cho số năm phải trả (15 năm).

b) Kỳ trả lãi vay: Như phân kỳ trả nợ gốc, số tiền lãi được tính trên số dư nợ gốc đến thời điểm trả nợ nhân với lãi suất cho vay; lãi suất cho vay trong thời gian ân hạn được tính từng kỳ và nhập vào nợ gốc tiền vay.

c) Trả lãi quá hạn: Tiền lãi quá hạn bằng số dư nợ gốc, lãi, phí quá hạn nhân với số ngày quá hạn nhân với lãi suất quá hạn theo ngày.

d) Thời điểm trả nợ:

- Đối với các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện: Nợ gốc và lãi vay từng thời kỳ được phân bổ vào chi phí hàng tháng và được thanh toán trả nợ làm 4 lần trong năm vào ngày 05 tháng thứ hai của mỗi quý; riêng Quý IV trả vào ngày 05/10 (cụ thể là ngày 05/02, 05/5, 05/8 và ngày 05/10 hằng năm).

- Đối với Công ty Điện lực Thái Nguyên: Nợ gốc và lãi vay từng thời kỳ được phân bổ vào chi phí hàng tháng và được thanh toán trả nợ 1 lần trong năm chậm nhất ngày 05/10 hằng năm.

Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện trên địa bàn tỉnh hoàn trả số nợ gốc và lãi vay theo đúng thời hạn quy định và Hợp đồng đã ký. Khuyến khích Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên trả nợ trước hạn.

đ) Phương thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc nộp tiền mặt vào tài khoản tiền gửi do Sở Tài chính làm chủ tài khoản được mở tại Kho bạc Nhà nước khu vực VII.

4. Tài khoản thu nợ gốc, lãi, phí:

Là tài khoản tiền gửi do Sở Tài chính làm chủ tài khoản quy định tại điểm đ khoản 3 Điều này. Số tài khoản được ghi trong Phụ lục Hợp đồng kinh tế do Sở Tài chính ký kết với Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Quyền và nghĩa vụ của Bên A (Sở Tài chính)

1. Quyền của Sở Tài chính (Bên A - Bên cho vay):

- a) Được áp dụng các chế tài hành chính để thu hồi nợ gốc và lãi vay.
- b) Kiểm tra, yêu cầu Bên B (Bên vay lại) cung cấp toàn bộ sổ sách báo cáo kinh doanh nếu có nghi vấn.
- c) Chấm dứt Hợp đồng cho vay khi Bên B không trả nợ gốc và lãi vay theo quy định, tham mưu UBND tỉnh quyết định lựa chọn đơn vị tiếp nhận mới thay thế.

2. Nghĩa vụ của Bên A:

- a) Đôn đốc bên B thực hiện nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng đã ký.
- b) Quản lý, theo dõi tài khoản tiền gửi để thu nợ và trả nợ Ngân hàng Phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên.

Điều 9. Quyền và nghĩa vụ của Bên B (Bên vay lại)

1. Quyền của Bên B:

- a) Tiếp nhận công trình xây dựng hoàn thành thuộc Dự án.
- b) Thực hiện việc quản lý, khai thác, vận hành, kinh doanh lưới điện hạ thế nông thôn hình thành từ Dự án theo đúng các quy định hiện hành.

c) Trả nợ trước hạn hoặc trả cao hơn mức tối thiểu như quy định tại khoản 3 Điều 2 của Quy định này. Khuyến khích các đơn vị có điều kiện huy động vốn trả 100% số nợ.

d) Khi trả nợ đủ 100% số vốn tiếp nhận vay theo Hợp đồng thì toàn bộ tài sản lưới điện hình thành từ nguồn vốn đó thuộc quyền tự chủ quản lý, kinh doanh của Bên vay lại.

2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Trả nợ gốc và lãi vay theo đúng kỳ hạn quy định như trong hợp đồng đã ký.

b) Trước ngày 31/12 hằng năm, thực hiện lập phương án trả nợ vốn vay của năm sau gửi Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh làm cơ sở để Sở Tài chính ra Thông báo thu hồi nợ vốn vay gửi các Hợp tác xã và Công ty Điện lực Thái Nguyên theo quy định.

c) Gửi Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh phương án sản xuất kinh doanh để thẩm tra, xét duyệt và báo cáo tài chính năm theo quy định để theo dõi.

d) Bảo vệ an toàn, nguyên trạng toàn bộ tài sản lưới điện hạ thế của Dự án khi kinh doanh và kể cả khi bàn giao cho đơn vị kinh doanh điện khác tiếp nhận.

đ) Chịu sự kiểm tra, giám sát, đôn đốc của Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh trong việc thực hiện các nghĩa vụ đã quy định trong Hợp đồng và các Phụ lục Hợp đồng đã ký.

e) Sau khi hoàn thành nghĩa vụ trả nợ vốn vay, các đơn vị kinh doanh điện nông thôn có trách nhiệm tiếp tục đảm bảo cung cấp điện ổn định cho nhân dân và các đơn vị sản xuất kinh doanh dịch vụ trên địa bàn.

f) Báo cáo UBND xã, phường, Sở Tài chính, Sở Công Thương và Liên minh Hợp tác xã tỉnh để xem xét trình UBND tỉnh quyết định việc bàn giao công trình lưới điện hạ thế cho Công ty Điện lực Thái Nguyên hoặc đơn vị khác (nếu có) khi không đủ khả năng quản lý, vận hành, kinh doanh và trả nợ.

g) Đối với đơn vị mới được tiếp nhận bàn giao của đơn vị cũ (Hợp tác xã điện cũ) có trách nhiệm tiếp tục thực hiện các điều khoản của hợp đồng đã ký hoặc ký hợp đồng kinh tế mới để thực hiện việc trả nợ. Thực hiện các nghĩa vụ và được hưởng quyền lợi đã nêu ở trên.

Điều 10. Cơ chế xử lý vi phạm

Đối với các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện không hoàn trả đủ nợ gốc, lãi và phí cho vay trong 12 tháng (4 lần trả nợ trong 01 năm), Sở Tài chính sẽ đề xuất, tham mưu, báo cáo UBND tỉnh giao các đơn vị có chức năng thực hiện kiểm tra, thanh tra hoặc điều tra khi có dấu hiệu vi phạm.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 11. Trách nhiệm của các đơn vị, địa phương liên quan

1. Sở Tài chính:

a) Tiếp tục theo dõi, đôn đốc Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian và mức trả nợ định kỳ.

b) Phối hợp với Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian trả nợ định kỳ. Báo cáo UBND tỉnh các nội dung liên quan đến công tác thu hồi và trả nợ vốn vay thuộc phạm vi dự án.

c) Chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh thu hồi tài sản của đơn vị kinh doanh dịch vụ điện không đủ khả năng trả nợ gốc và lãi vay để giao cho đơn vị khác quản lý.

d) Chủ trì phối hợp với các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (vốn vay và vốn đối ứng) của Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện trên địa bàn tỉnh

đ) Chủ trì tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế cho vay và thu hồi nợ, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

2. Sở Công Thương:

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan theo dõi, đôn đốc, giám sát, kiểm tra các đơn vị kinh doanh dịch vụ điện trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian trả nợ định kỳ.

b) Kiểm tra định kỳ, đột xuất những đơn vị kinh doanh dịch vụ điện có phát sinh trong năm để có phương án thu hồi nợ.

c) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện cơ chế vay và xử lý vi phạm, đề xuất trình UBND tỉnh xem xét điều chỉnh cho phù hợp.

d) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan trình UBND tỉnh thu hồi tài sản của đơn vị dịch vụ kinh doanh điện nông thôn không đủ khả năng trả nợ gốc và lãi vay để giao cho đơn vị khác quản lý.

đ) Chủ trì thẩm tra xét duyệt phương án kinh doanh điện của các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn đảm bảo thu hồi vốn đầu tư của dự án và giá bán điện theo đúng quy định.

e) Phối hợp với các đơn vị liên quan tập hợp hồ sơ tài liệu của dự án, phương án bàn giao công trình điện đối với các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn không đủ khả năng tổ chức kinh doanh và thực hiện nghĩa vụ thu hồi vốn trả nợ gốc và lãi vay.

3. Liên minh Hợp tác xã tỉnh Thái Nguyên:

a) Hướng dẫn các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện xây dựng phương án sản xuất kinh doanh và phương án trả nợ vốn vay. Đơn đốc các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện trả nợ gốc và lãi vay theo đúng quy định về thời gian và mức trả nợ định kỳ.

b) Tổng hợp các vướng mắc phát sinh trong quá trình thực hiện, phản ánh về Sở Tài chính, Sở Công Thương để báo cáo UBND tỉnh sửa đổi, bổ sung cơ chế cho phù hợp.

c) Thường xuyên hướng dẫn các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện thực hiện nghiêm chỉnh các quy định của Luật Hợp tác xã, công tác tổ chức, triển khai phương án sản xuất kinh doanh theo quy định pháp luật.

d) Kiểm tra định kỳ, đột xuất những Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện trên địa bàn có phát sinh trong năm để có phương án thu hồi nợ.

đ) Phối hợp với Sở Công thương thẩm tra xét duyệt phương án kinh doanh điện của các Hợp tác xã dịch vụ kinh doanh điện nông thôn trên địa bàn đảm bảo thu hồi vốn đầu tư của dự án và giá bán điện theo đúng quy định

e) Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan thực hiện kiểm tra việc quản lý, sử dụng nguồn vốn đầu tư cho dự án (vốn vay và vốn đối ứng) của Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện trên địa bàn tỉnh.

4. UBND các xã, phường:

a) Kiểm tra, đơn đốc, giám sát các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện tham gia dự án trên địa bàn trong việc quản lý, vận hành, kinh doanh điện nông thôn theo đúng quy định hiện hành và thực hiện nghĩa vụ trả nợ vốn vay theo đúng kỳ hạn.

b) Chỉ đạo các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện không có khả năng kinh doanh và trả nợ lãi vay làm các thủ tục hồ sơ báo cáo Sở Tài chính để báo cáo cấp có thẩm quyền bàn giao cho đơn vị khác theo quy định.

c) Báo cáo kịp thời những khó khăn vướng mắc và kiến nghị xử lý vi phạm đối với các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện không hoàn thành nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng đã ký kết.

5. Chi nhánh Ngân hàng phát triển khu vực Bắc Kạn - Thái Nguyên:

a) Trước ngày 25/9 hằng năm gửi thông báo đến Sở Tài chính và Sở Công Thương số nợ gốc và lãi phải trả phần vốn vay Ngân hàng Thế giới.

b) Trước ngày 01/11 hằng năm gửi thông báo đến Sở Tài chính số chuyển nợ quá hạn chưa thực hiện trả nợ đúng hạn.

6. Công ty Điện lực Thái Nguyên và các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện:

a) Tiếp nhận công trình lưới điện hạ thế hình thành từ Dự án năng lượng nông thôn II theo quyết định bàn giao của UBND tỉnh và thực hiện nghĩa vụ theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

b) Trả nợ gốc và lãi, phí cho vay theo đúng kỳ hạn quy định như trong Hợp đồng và Phụ lục Hợp đồng đã ký.

c) Thực hiện việc quản lý, khai thác, vận hành, kinh doanh lưới điện hạ thế nông thôn hình thành từ dự án theo đúng các quy định hiện hành.

Chương IV

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 12. Xử lý chuyển tiếp

Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn Công ty Điện lực Thái Nguyên và Các Hợp tác xã kinh doanh dịch vụ điện nộ chuyển trả vốn vay dự án Năng lượng nông thôn tỉnh Thái Nguyên theo đúng quy định của Hợp đồng và các Phụ lục hợp đồng đã ký.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Sở Công Thương, Liên minh Hợp tác xã tỉnh, Kho bạc nhà nước Khu vực VII, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn, Công ty Điện lực Thái Nguyên, các Hợp tác xã dịch vụ điện được nhận bàn giao tài sản của Dự án và các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện theo Quy định này.

2. Trong quá trình tổ chức thực hiện quy định này, nếu có khó khăn, vướng mắc, giao cho Sở Tài chính chủ trì, phối hợp Sở Công Thương và các đơn vị liên quan nghiên cứu đề xuất trình UBND tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cơ chế cho phù hợp./.